

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/HNGĐ-ST

Ngày 15/9/2022

*V/v: Tranh chấp hôn nhân và
gia đình*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Thế Tương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Nhật Khánh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên toà:
Không

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 25 ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị A, sinh năm 1999. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Vũ Tuấn A1, sinh năm 1998 (Vắng mặt lần 2)

Đều trú tại: thôn Đ, xã D, huyện Y, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, tại phiên tòa chị Trần Thị Anh trình bày: Chị và anh Vũ Tuấn A1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2019 tại UBND xã P, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa phương được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tuấn A1 nghiện ma túy và thường xuyên xúc

phạm gia đình chị, chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã TD sinh sống, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, có sống với nhau cũng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tuấn A1.

Về con chung: Chị và anh Tuấn A1 có 02 chung là Vũ Thùy C, sinh ngày 20/7/2018 và Vũ Hoàng H, sinh ngày 10/8/2020, hiện cả hai con chung đang ở với chị, chị đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh Tuấn A1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng, bị đơn là anh Vũ Tuấn A1 trình bày: Anh và chị Trần Thị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2019 tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống và làm ăn tại địa phương, do tính tình không hợp, mặt khác anh bị nghiện ma túy từ năm 2017 đến nay, anh đã nhiều lần tự cai và từ bỏ ma túy nhưng không thành nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị A đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở TD sinh sống. nay chị A xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị A có 02 chung là Vũ Thùy C, sinh ngày 20/7/2018 và Vũ Hoàng H, sinh ngày 10/8/2020, hiện cả hai con chung đang ở với chị A, anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu C, chị A nuôi cháu H, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Do anh bận công việc nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa nguyên đơn là chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu trên, không thay đổi, bổ sung gì. Còn bị đơn là anh Tuấn A1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không đến tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Toà án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh Tuấn A1 vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Toà án tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị A và anh Vũ Tuấn A1 kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp, trong quá trình chung sống mới được thời gian ngắn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh Tuấn A1 nghiện ma túy đã lâu, nhiều lần cai nghiện nhưng không thành dẫn đến mâu thuẫn trở nên trầm trọng, hiện vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị A được ly hôn anh Tuấn A1.

[3]. Về con chung: Chị A và anh Tuấn A1 có 02 chung là Vũ Thùy C, sinh ngày 20/7/2018 và Vũ Hoàng H, sinh ngày 10/8/2020, hiện cả hai con chung đang ở với chị A, chị đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung, anh Tuấn A1 đề nghị được trực tiếp nuôi cháu C. Xét thấy hiện tại anh Tuấn A1 làm lao động tự do, thu nhập không ổn định, lại đang nghiện ma túy, chị A làm công nhân tại công ty đồ chơi gần nhà, có mức thu nhập ổn định 7.000.000 đồng một tháng và có chỗ ở ổn định tại nhà bố mẹ đẻ. Vì vậy cần thiết giao cả hai con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chị A không yêu cầu anh Tuấn A1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là sự tự nguyện nên cần nghi nhận.

[4]. Về tài sản chung: Chị A và anh Tuấn A1 không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị A được ly hôn anh Vũ Tuấn A1.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Vũ Thùy C, sinh ngày 20/7/2018 và Vũ Hoàng H, sinh ngày 10/8/2020 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chị A không yêu cầu anh Tuấn A1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị, anh Tuấn A1 có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vấn đề thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp theo biên lai số 0004111 ngày 06/4/2022 tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí, chị A đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tuấn A1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thái Thụy
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy
- TAND tỉnh TB
- UBND xã P
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Tương